TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2023/DS-ST Ngày 11 ngày 8 năm 2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Tổ

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Đinh Dũng S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Ông Vì Văn P, sinh năm 1969 và bà Vì Thị P, sinh năm 1961. Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Đinh Dũng S trình bày:

Ông và vợ là bà Nguyễn Thị N có đầu tư cho ông Vì Văn P và bà Vì Thị P trú tại Bản N, xã P tiền mua phân bón, giống, thuốc trừ sâu và một số đồ dùng phục vụ cho sinh hoạt gia đình và sản xuất nông nghiệp. Hai bên đã nhiều lần tiến hành đối chiếu công nợ, thể hiện tại các giấy vay tiền ngày 20/12/2012, ngày

20/11/2014, ngày 30/12/2015. Theo giấy chốt nợ cuối cùng thể hiện vợ chồng ông P còn nợ số tiền 191.700.000VNĐ. Theo thỏa thuận, vợ chồng ông P sẽ thanh toán đủ cho ông số tiền còn nợ vào ngày 30/11/2016.

Sau khi chốt nợ, ông P vay thêm 21.790.000VNĐ để mua gạo, mua ngô, vật tư phục vụ nông nghiệp, tổng cộng là 213.490.000VNĐ. Sau đó, vợ chồng ông P đã thanh toán bằng ngô trị giá 32.413.000VNĐ, còn nợ là 181.077.000VNĐ. Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay, vợ chồng ông P vẫn chưa thanh toán cho ông số tiền còn nợ theo thỏa thuận. Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông P đều khất nợ, không có động thái thanh toán tiền cho ông. Vì vậy, ông khởi kiện đề nghị ông Vì Văn P và bà Vì Thị P phải có trách nhiệm thanh toán cho số tiền vay là 181.077.000VNĐ theo giấy vay tiền đề ngày 30/12/2015 và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 30/11/2016 theo đến nay theo lãi xuất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị ông Vì Văn P và bà Vì Thị P thanh toán số tiền nợ gốc là 181.077.000VNĐ theo giấy vay tiền đề ngày 30/12/2015 và không đề nghị tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà là vợ của ông Đinh Dũng S. Toàn bộ sự việc như ông S trình bày là đúng sự thật, các khoản cho vay vợ chồng bà có sổ sách đầy đủ, đề nghị Tòa án buộc ông Vì Văn P và bà Vì Thị P phải có trách nhiệm thanh toán cho số tiền vay là 181.077.000VNĐ theo giấy vay tiền đề ngày 30/12/2015, không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng ông P và bà P không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện mặc dù đã biết việc khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không hợp tác. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463, 464, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 227, 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Dũng S. Buộc bị đơn ông Vì Văn P và bà Vì Thị P phải thanh toán cho ông Đinh Dũng S số tiền nợ gốc là 181.077.000VNĐ. Đình chỉ yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Đinh Dũng S khởi kiện yêu cầu ông Vì Văn P và bà Vì Thị P, trú tại Bản N, xã P, huyện Mai Sơn phải thanh toán số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 30/12/2015 nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Dũng S cho rằng nguồn gốc của số tiền cho vay là tài sản chung của ông S và vợ là Nguyên Thị N. Do đó Tòa án xác định bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên trong vụ án.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị hoãn phiên tòa nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bản gốc giấy vay tiền ngày 20/12/2012 có chữ ký của ông P, các giấy vay tiền ngày 20/11/2014 và ngày 30/12/2015 có chữ ký điểm chỉ của ông Vì Văn P. Theo giấy vay tiền cuối cùng ngày 30/12/2015, ông P xác nhận vợ chồng ông còn nợ số tiền 191.700.000VNĐ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập. Thẩm phán tiến hành phối hợp với chính quyền địa P nơi cư trú của bị đơn để thu thập chứng cứ nhưng bị đơn không hợp tác, cố ý trốn tránh nghĩa vụ. Mặc dù đã được thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án nhưng ông P không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, không đưa ra ý kiến phản đối nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Theo giấy vay tiền ngày 30/12/2015 có nội dung vợ chồng ông P có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền nợ vào ngày 30/11/2016. Trên các giấy vay tiền không có chữ ký của bà Vì Thị P, nhưng tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, tiền vay sử dụng vào mục đích chung. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tài liệu, các chứng cứ nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch vay tài sản giữa ông Đinh Dũng S và

ông Vì Văn P, bà Vì Thị P thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 30/12/2015 là có căn cứ, nội dung của giao dịch là hợp pháp, do đó cần được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Việc bị đơn không thanh toán tiền nợ là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận.

Nguyên đơn cho rằng sau khi chốt nợ, ông P có vay thêm số tiền 21.790.000VNĐ và đã thanh toán bằng ngô trị giá 32.413.000VNĐ nên số tiền còn nợ là 181.077.000VNĐ. Tuy nhiên, nội dung vay thêm tiền chỉ mang tính liệt kê của ông S, không có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông P. Nội dung xác nhận thanh toán là tự nguyện của nguyên đơn nên cần trừ số tiền đã thanh toán 32.413.000VNĐ vào số tiền gốc đã chốt nợ ngày 30/12/2015. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu vợ chồng ông P phải thanh toán số tiền 181.077.000VNĐ. Việc bị đơn không thanh toán tiền nợ là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận, cần buộc ông Vì Văn P và bà Vì Thị P có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc cho ông S và bà N là 159.287.000VNĐ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị thanh toán lãi chậm trả. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần đình chỉ.

[3] Về án phí: Một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận nhưng được miễn án phí do là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nhưng được miễn án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 464, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 227, 244, 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Dũng S. Buộc bị đơn ông Vì Văn P và bà Vì Thị P phải thanh toán cho ông Đinh Dũng S và bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 159.287.000VNĐ (Một trăm năm mươi chín triệu đồng hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo giấy vay tiền ngày 30/12/2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (ông Đinh Dũng S) cho đến khi thi hành án xong, ông Vì Văn P và bà Vì Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc chậm trả do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Đinh Dũng S được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị đơn ông Vì Văn P và bà Vì Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nông Văn Thịnh